

BYK-W 969

Mã sản phẩm: 00000000000110554

Phiên bản 5.2 SDS_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2026/03/17

Ngày in 2026/03/18

1. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT VÀ THÔNG TIN VỀ NHÀ CUNG CẤP

Tên sản phẩm : BYK-W 969
Kiểu ứng dụng (sử dụng) : Wetting & Dispersing Additive

Thông tin nhà cung cấp (nhập khẩu; sản xuất; phân phối)

Công ty : BYK-Chemie GmbH
Địa chỉ : Abelstrasse 45
46483 Wesel
Điện thoại : +49 281 670-23532
Telefax : +49 281 670-23533
Địa chỉ e-mail : GHS.BYK@altana.com
Số điện thoại liên hệ trong trường hợp khẩn cấp : +84 28 4458 2388 (Tiếng việt và tiếng anh)
+65 3158 1074 (All languages)

2. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT**Phân loại theo GHS**

Độc cấp tính (Đường miệng) : Cấp 4
Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt : Cấp 1
Độc tính đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm đơn : Cấp 3 (Hệ hô hấp)

Các yếu tố nhãn theo GHS

Hình đồ cảnh báo nguy cơ :



Từ cảnh báo : Nguy hiểm

Cảnh báo nguy hiểm : H302 Có hại nếu nuốt phải.
H318 Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.
H335 Có thể gây kích ứng hô hấp.

Các lưu ý phòng ngừa :

Biện pháp phòng ngừa:

P261 Tránh hít bụi/ khói/ khí/ sương/ hơi/ bụi nước.
P264 Rửa sạch da thật kỹ sau khi thao tác với hoá chất.
P270 Không được ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm này.
P271 Chỉ sử dụng ở ngoài trời hoặc ở khu vực có sự thông thoáng tốt.
P280 Đeo các thiết bị bảo vệ mặt/ mắt.

Biện pháp ứng phó:

P301 + P312 + P330 NẾU NUỐT PHẢI: Gọi tới TRUNG TÂM

BYK-W 969

Mã sản phẩm: 00000000000110554

Phiên bản 5.2 SDS_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2026/03/17

Ngày in 2026/03/18

CHỐNG ĐỘC/ bác sỹ nếu bạn cảm thấy không khỏe. Súc miệng.
P304 + P340 + P312 **NẾU HÍT PHẢI:** Di chuyển nạn nhân tới chỗ không khí thoáng mát và thoải mái để thở. Gọi đến **TRUNG TÂM KIỂM SOÁT CHẤT ĐỘC/** bác sỹ nếu cảm thấy không khỏe.
P305 + P351 + P338 + P310 **NẾU BAY VÀO MẮT:** Rửa cẩn thận bằng nước trong một vài phút. Tháo bỏ kính áp tròng nếu có và dễ làm. Tiếp tục rửa. Gọi ngay cho **TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC** hoặc bác sỹ.

Lưu trữ:

P403 + P233 Lưu trữ ở nơi có sự thông thoáng tốt. Giữ thùng chứa luôn đóng kín.
P405 Phải khóa cẩn thận khi lưu trữ.

Việc thải bỏ:

P501 Tiêu hủy thành phần bên trong/ thùng chứa hóa chất tại cơ sở xử lý chất thải đủ tiêu chuẩn.

Các thông tin nguy hại khác (nếu có, ví dụ: bụi nổ..)

Không có thông tin.

3. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Đơn chất / Hỗn hợp chất : Hỗn hợp chất
Bản chất hóa học : Solution of a hydroxy functional alkylammonium salt of an acidic copolymer

Thành phần nguy hiểm

Tên hóa học

Tên hóa học	Số CAS	Nồng độ (% w/w)
2-Phenoxyethanol	122-99-6	>= 50 - <= 100
Fatty acids, tall-oil, reaction products with 2-[(2-aminoethyl)amino]ethanol, compds. with 2-oxepanone-polyethylene glycol mono-Me e	162627-14-7	>= 30 - < 50

4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

Lời khuyên chung : Di chuyển ra khỏi khu vực nguy hiểm.
Tham vấn bác sỹ.
Đưa phiếu dữ liệu an toàn hoá chất này cho bác sỹ chăm sóc.
Không được để nạn nhân một mình.

Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp : Nếu bất tỉnh, đặt ở tư thế phục hồi và tìm kiếm sự giúp đỡ y tế.
Nếu các triệu chứng vẫn còn, hãy gọi bác sỹ.

Trường hợp tai nạn khi tiếp xúc với mắt : Một lượng nhỏ bắn vào mắt cũng có thể gây mù hoặc tổn thương mô không thể phục hồi.
Trong trường hợp tiếp xúc với mắt, ngay lập tức rửa mắt bằng nhiều nước và hỏi ý kiến bác sỹ.
Tiếp tục rửa mắt trên đường đến bệnh viện.

BYK-W 969

Mã sản phẩm: 00000000000110554

Phiên bản 5.2 SDS_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2026/03/17

Ngày in 2026/03/18

- Gỡ bỏ kính áp tròng.
Bảo vệ con mắt không bị tổn thương.
Mở rộng mắt khi rửa.
Liên hệ với chuyên gia nếu hiện tượng kích ứng ở mắt kéo dài.
- Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa : Xúc miệng bằng nước và sau đó uống thật nhiều nước.
Giữ sạch đường hô hấp.
KHÔNG ĐƯỢC gây nôn.
Không cho uống sữa hoặc các đồ uống có cồn.
Không đưa bất cứ cái gì vào miệng nạn nhân bị bất tỉnh.
Nếu các triệu chứng vẫn còn, hãy gọi bác sĩ.
- Các triệu chứng/tác hại nghiêm trọng tức thời và ảnh hưởng sau này : Không có thông tin.
- Lưu ý đối với bác sỹ điều trị : Không có thông tin.

5. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

- Các phương tiện chữa cháy thích hợp : Bột
Carbon điôxit (CO2)
Hóa chất khô
Hơi nước
- Các phương tiện chữa cháy không thích hợp : Tia nước dung tích lớn
- Các nguy hiểm cụ thể khi chữa cháy : Không để nước chữa cháy chảy xuống cống và ao hồ.
- Các chất độc được sinh ra khi bị cháy : Nitơ ôxit (NOx)
Ôxit photpho
Carbon ôxit
- Các phương pháp cứu hỏa cụ thể : Thu gom riêng nước chữa cháy bị ô nhiễm. Nước này không được đổ vào cống thoát nước chung.
Tro của vụ cháy và nước chữa cháy bị nhiễm bẩn phải được thải phù hợp với các quy định địa phương.
- Thiết bị bảo hộ đặc biệt dành cho lính cứu hỏa : Đeo các dụng cụ thở cá nhân khi chữa cháy nếu cần thiết.

6. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

- Trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó sự cố : Sử dụng các thiết bị bảo hộ cá nhân.
- Các cảnh báo về môi trường : Ngăn ngừa không cho sản phẩm đi vào hệ thống cống rãnh.
Ngăn ngừa việc rò rỉ hoặc tràn đổ tiếp theo nếu việc việc làm này an toàn.
Nếu sản phẩm làm ô nhiễm sông, hồ hoặc đường dẫn nước, hãy thông báo cho các cơ quan hữu quan.
- Biện pháp, vật liệu vệ sinh sau khi xảy ra sự cố : Hút khô bằng các vật liệu hút nước trợ (ví dụ như cát, silicagen, chất liên kết axit, chất liên kết phổ thông, mùn cưa).
Giữ trong các bình chứa kín thích hợp để tiêu hủy.

7. YÊU CẦU VỀ SỬ DỤNG, BẢO QUẢN

BYK-W 969

Mã sản phẩm: 00000000000110554

Phiên bản 5.2 SDS_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2026/03/17

Ngày in 2026/03/18

Lời khuyên khi bảo vệ khỏi cháy nổ	: Các biện pháp thông thường nhằm ngăn ngừa hoả hoạn.
Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm	: Tránh tạo ra aerosol. Không được hít hơi/bụi. Tránh tiếp xúc với da và mắt. Về bảo hộ cá nhân, xem phần 8. Cấm hút thuốc, ăn uống tại khu vực sử dụng. Cung cấp đủ sự trao đổi không khí và/hoặc ống xả khí trong các phòng làm việc. Để tránh tràn đổ trong quá trình thao tác, để chai ở trên một khay kim loại. Thải loại nước rửa theo các quy định của quốc gia và địa phương.
Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản	: Đóng kín bình chứa, đặt tại nơi khô ráo và thông gió tốt. Quan sát các cảnh báo ghi trên nhãn. Việc lắp đặt thiết bị điện / vật liệu đang làm việc phải tuân theo tiêu chuẩn an toàn về công nghệ.

8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM/YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN**Các thành phần có các thông số cần kiểm soát tại nơi làm việc**

Không chứa các chất có giá trị giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp.

Biện pháp và thiết bị bảo hộ cá nhân

Bảo vệ hô hấp	: Trong trường hợp có hơi được tạo ra, sử dụng mặt nạ phòng độc có bộ lọc đủ tiêu chuẩn.
Bảo vệ tay	
Vật liệu	: Cao su nitrile
Thời gian thấm	: > 480 min
Độ dày của găng	: 0,4 mm
Ghi chú	: Mang găng tay thích hợp.
Bảo vệ mắt	: Chai rửa mắt đựng nước tinh khiết Kính bảo hộ vừa khít Đeo mạng che mặt và bộ quần áo bảo hộ phù hợp khi có các vấn đề bất thường.
Bảo vệ da và cơ thể	: Quần áo không thấm. Chọn đồ bảo hộ theo số lượng và nồng độ các chất nguy hiểm tại nơi làm việc.
Các biện pháp vệ sinh	: Không được ăn hoặc uống khi sử dụng. Không hút thuốc khi sử dụng. Rửa tay trước khi nghỉ giải lao và vào cuối ngày làm việc.

9. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái	: thể lỏng
Màu sắc	: màu nâu nhạt
Mùi đặc trưng	: đặc tính
Ngưỡng mùi	: chưa có dữ liệu
Độ pH	: 7 (20 °C)

BYK-W 969

Mã sản phẩm: 00000000000110554

Phiên bản 5.2 SDS_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2026/03/17

Ngày in 2026/03/18

	Nồng độ: 10 %
	Phương pháp: Universal pH-value indicator
Điểm/khoảng nóng chảy/đông đặc	: < 0 °C Phương pháp: derived
Điểm sôi/khoảng sôi ban đầu	: 244,00 °C Phương pháp: derived
Điểm cháy	: > 100,00 °C Phương pháp: 49 (Pensky-Martens)
Tỷ lệ hóa hơi	: chưa có dữ liệu
Tính dễ cháy (chất lỏng)	: Duy trì sự cháy
Giới hạn trên của cháy nổ	: chưa có dữ liệu
Giới hạn dưới của cháy nổ	: chưa có dữ liệu
Áp suất hóa hơi	: < 1 hPa (20,00 °C) Phương pháp: derived
Tỷ trọng hơi tương đối	: chưa có dữ liệu
Tỷ trọng tương đối	: chưa có dữ liệu
Khối lượng riêng	: 1,0900 g/cm ³ (20,00 °C) Phương pháp: 4 (20°C oscillating U-tube)
Mật độ lớn	: Không áp dụng được
Độ hòa tan	
Độ hòa tan trong nước	: có thể pha trộn hoàn toàn
Độ hòa tan trong các dung môi khác	: chưa có dữ liệu
Hệ số phân tán: n-octanol/nước	: chưa có dữ liệu
Nhiệt độ tự cháy	: > 200 °C Phương pháp: DIN 51794
Nhiệt độ phân hủy	: chưa có dữ liệu
Độ nhớt	
Độ nhớt, động lực	: chưa có dữ liệu

10. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG CỦA HÓA CHẤT

Khả năng phản ứng	: Không phân hủy nếu được lưu trữ và ứng dụng như chỉ dẫn.
Tính ổn định	: Không phân hủy nếu được lưu trữ và ứng dụng như chỉ dẫn.
Phản ứng nguy hiểm	: Không phân hủy nếu được lưu trữ và ứng dụng như chỉ dẫn.
Các điều kiện cần tránh	: chưa có dữ liệu

BYK-W 969

Mã sản phẩm: 00000000000110554

Phiên bản 5.2 SDS_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2026/03/17

Ngày in 2026/03/18

Vật liệu không tương thích : Các kim loại
Các chất oxy hóa mạnh

Phản ứng phân hủy và các sản phẩm độc của phản ứng phân hủy : Không phân hủy nếu được lưu trữ và ứng dụng như chỉ dẫn.

11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH**Độc cấp tính****Sản phẩm:**

Độc tính cấp theo đường miệng : Ước lượng độc tính cấp: 889,1 mg/kg
Phương pháp: Phương pháp tính toán

Thành phần:**2-Phenoxyethanol:**

Độc tính cấp theo đường miệng : LD50 (Chuột): 1.840 mg/kg
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 401
GLP: không

Độc tính cấp do hít phải : LC50 (Chuột): > 1 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 4 h
Không khí kiểm nghiệm: bụi / hơi sương
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 412
GLP: có
Đánh giá: Hỗn hợp hoặc chất này không gây độc cấp tính theo đường hô hấp

Fatty acids, tall-oil, reaction products with 2-[(2-aminoethyl)amino]ethanol, compds. with 2-oxepanone-polyethylene glycol mono-Me e:

Độc tính cấp theo đường miệng : Ước lượng độc tính cấp: 500 mg/kg
miệng

Ăn mòn/kích ứng da**Sản phẩm:**

Loài: Thỏ
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 404
Kết quả: Không gây kích ứng da
GLP: có

Ghi chú: Ăn mòn và phá hủy nghiêm trọng mô

Thành phần:**2-Phenoxyethanol:**

Loài: Thỏ
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 404
Kết quả: Không gây kích ứng da

BYK-W 969

Mã sản phẩm: 00000000000110554

Phiên bản 5.2 SDS_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2026/03/17

Ngày in 2026/03/18

Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt**Sản phẩm:**

Ghi chú: Có thể gây tổn thương mắt không thể phục hồi

Thành phần:**2-Phenoxyethanol:**

Loài: Thỏ

Kết quả: Kích ứng mắt

Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 405

Kích thích hô hấp hoặc da**Sản phẩm:**

Ghi chú: chưa có dữ liệu

Thành phần:**2-Phenoxyethanol:**

Loài: Chuột lang

Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 406

Kết quả: Không gây kích ứng da.

Đột biến tế bào mầm (tế bào gen)**Sản phẩm:**

Độc tính gây đột biến gen trong ống thí nghiệm : Ghi chú: chưa có dữ liệu

Độc tính gây đột biến gen trong cơ thể : Ghi chú: chưa có dữ liệu

Tác nhân gây ung thư**Sản phẩm:**

Ghi chú: chưa có dữ liệu

Độc tính sinh sản**Sản phẩm:**

Ảnh hưởng đến khả năng sinh sản : Ghi chú: chưa có dữ liệu

Ảnh hưởng đến sự phát triển của thai : Ghi chú: chưa có dữ liệu

Thành phần:**2-Phenoxyethanol:**

Ảnh hưởng đến sự phát triển của thai : Loài: Chuột

Lộ trình ứng dụng: Đường miệng

Thời gian cần thiết cho mỗi ca điều trị: 14 d

Tính độc hại đối với người mẹ: NOAEL: 300 mg/kg trọng lượng cơ thể

BYK-W 969

Mã sản phẩm: 00000000000110554

Phiên bản 5.2 SDS_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2026/03/17

Ngày in 2026/03/18

Độc tính gây quái thai: NOAEL: 1.000 mg/kg trọng lượng cơ thể

Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 414

Loài: Thỏ

Lộ trình ứng dụng: Da

Thời gian cần thiết cho mỗi ca điều trị: 14 d

Tính độc hại đối với người mẹ: NOAEL: 300 mg/kg trọng lượng cơ thể

Độc tính gây quái thai: NOAEL: 600 mg/kg trọng lượng cơ thể

STOT - Tiếp xúc một lần

Sản phẩm:

Ghi chú: chưa có dữ liệu

STOT - Tiếp xúc lặp lại

Sản phẩm:

Ghi chú: chưa có dữ liệu

Lượng độc lặp lại

Sản phẩm:

Ghi chú: chưa có dữ liệu

Thành phần:

2-Phenoxyethanol:

Loài: Chuột

NOAEL: 700 mg/kg

Lộ trình ứng dụng: Đường miệng

Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 408

Loài: Chuột

NOAEL: 0,0482 mg/l

Lộ trình ứng dụng: Hít phải

Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 412

Các cơ quan đích: Cơ quan hô hấp

Độc tính hô hấp

Sản phẩm:

chưa có dữ liệu

Thông tin khác

Sản phẩm:

Ghi chú: chưa có dữ liệu

BYK-W 969

Mã sản phẩm: 00000000000110554

Phiên bản 5.2 SDS_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần
nhất 2026/03/17

Ngày in 2026/03/18

12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI**Độc môi trường****Sản phẩm:**

Độc đối với cá : Ghi chú: chưa có dữ liệu

Thành phần:**2-Phenoxyethanol:**Độc tính đối các loài giáp xác : EC50 (Daphnia (Rận nước Daphnia)): tối thiểu 100 mg/l
và các động vật không : Thời gian phơi nhiễm: 48 h
xương sống thủy sinh khác : Loại kiểm nghiệm: Thử nghiệm tĩnh
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 202Độc đối với cá (Tính độc mãn tính) : NOEC: 23 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 34 d
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 210Độc tính đối các loài giáp xác : NOEC (Daphnia (Rận nước Daphnia)): 9,43 mg/l
và các động vật không : Thời gian phơi nhiễm: 21 d
xương sống thủy sinh khác : Loại kiểm nghiệm: semi-static test
(Tính độc mãn tính) : Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 211**Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy****Sản phẩm:**

Tính phân hủy sinh học : Ghi chú: chưa có dữ liệu

Thành phần:**2-Phenoxyethanol:**Tính phân hủy sinh học : Phân hủy sinh học: > 70 %
Thời gian phơi nhiễm: 28 d
Phương pháp: OECD Hướng dẫn xét nghiệm 301A**Khả năng tích lũy sinh học****Sản phẩm:**

Tính tích lũy sinh học : Ghi chú: chưa có dữ liệu

Độ linh động trong đất

chưa có dữ liệu

Các tác hại khác**Sản phẩm:**

Các thông tin sinh thái khác : chưa có dữ liệu

BYK-W 969

Mã sản phẩm: 00000000000110554

Phiên bản 5.2 SDS_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2026/03/17

Ngày in 2026/03/18

13. THÔNG TIN VỀ THẢI BỎ**Các biện pháp thải bỏ**

- Chất thải từ cặn : Không thải loại chất thải vào các hệ thống thoát nước thải
Không làm nhiễm bẩn các ao nước, luồng nước hoặc hệ thống mương rãnh bởi các chất hoá học hoặc các thùng chứa đã qua sử dụng
Gửi đến cho một công ty xử lý chất thải có giấy phép
- Bao bì nhiễm độc : Loại bỏ các thành phần còn lại.
Loại bỏ như đối với sản phẩm không sử dụng.
Không tái sử dụng các thùng chứa rỗng.

14. THÔNG TIN KHI VẬN CHUYỂN**Quy định Quốc tế****UNRTDG**

Chưa được quy định là hàng hóa nguy hiểm

IATA-DGR

Chưa được quy định là hàng hóa nguy hiểm

Mã IMDG

Chưa được quy định là hàng hóa nguy hiểm

Vận chuyển trong tàu lớn theo như Phụ lục II của Công ước MARPOL 73/78 và Bộ luật IBC
Không áp dụng cho sản phẩm khi được cung cấp.

15. THÔNG TIN VỀ PHÁP LUẬT**Các thông tin pháp luật về an toàn, sức khỏe và môi trường đối với hóa chất**

Luật Hóa Chất số 69/2025/QH15

16. CÁC THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC, BAO GỒM CÁC THÔNG TIN KHI XÂY DỰNG VÀ HIỆU ĐÍNH PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT**Toàn bộ nội dung các cụm từ viết tắt khác**

AIIC - Kiểm kê Hóa chất Công nghiệp Úc; ANTT - Cơ quan Quốc gia về Vận tải trên Đất liền của Brazil; ASTM - Hiệp hội Hoa Kỳ về Thử nghiệm Vật liệu; bw - Trọng lượng cơ thể; CMR - Chất gây ung thư, chất gây đột biến hoặc ngộ độc sinh sản; DIN - Tiêu chuẩn của Viện Tiêu chuẩn hóa của Đức; DSL - Danh sách các Chất Nội địa (Canada); ECx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng; ELx - Tốc độ chất liệu liên quan đến x% đáp ứng; EmS - Bảng Tình trạng khẩn cấp; ENCS - Hóa chất Hiện có và Mới (Nhật Bản); ErCx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng tốc độ tăng trưởng; ERG - Hướng dẫn Phản ứng Tình trạng khẩn cấp; GHS - Hệ thống Hòa hòa Toàn cầu; GLP - Thực hành tốt phòng kiểm nghiệm; IARC - Cơ quan Nghiên cứu Ung thư Toàn cầu; IATA - Hiệp hội Hàng không Toàn cầu; IBC - Mã Quốc tế về Xây dựng và Thiết bị Tàu chuyên chở Hóa chất Độc hại; IC50 - Nồng độ ức chế tối đa 50% tăng trưởng ở đối tượng thử nghiệm; ICAO - Tổ chức Hàng không Dân dụng Quốc tế; IECSC - Kiểm kê Hóa chất Hiện có tại Trung Quốc; IMDG - Hàng hải Quốc tế về Hàng nguy hiểm; IMO - Tổ chức Hàng hải Quốc tế; ISHL - Luật Sức khỏe và An toàn ngành (Nhật Bản); ISO - Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế; KECI - Kiểm kê Hóa chất hiện có Hàn Quốc; LC50 - Nồng độ gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm; LD50 - Liều lượng gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm (Liều lượng Gây chết

BYK-W 969

Mã sản phẩm: 00000000000110554

Phiên bản 5.2 SDS_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2026/03/17

Ngày in 2026/03/18

người Trung bình); MARPOL - Quy ước Quốc tế về Phòng chống Ô nhiễm từ Tàu thuyền; MERCOSUR - Hiệp định tạo điều kiện thuận lợi cho vận chuyển hàng hóa nguy hiểm; n.o.s. - Không được Quy định Khác; Nch - Tiêu chuẩn Chile; NO(A)EC - Không quan sát thấy nồng độ gây tác dụng (bất lợi); NO(A)EL - Không quan sát thấy mức độ gây tác dụng (bất lợi); NOELR - Không quan sát thấy tốc độ chất liệu gây tác dụng phụ; NOM - Tiêu chuẩn Chính thức Mexico; NTP - Chương trình Độc học Quốc gia; NZIoC - Kiểm kê Hóa chất New Zealand; OECD - Tổ chức phát triển và hợp tác kinh tế; OPPTS - Văn phòng phòng chống ô nhiễm và an toàn hóa học; PBT - Chất Độc hại, Bền và Khó phân hủy; PICCS - Kiểm kê Hóa chất Philippines; (Q)SAR - (Định lượng) Mỗi quan hệ Hoạt động Cấu trúc; REACH - Quy định (EC) Số 1907/2006 của Hội đồng và Nghị viện châu Âu về Đăng ký, Đánh giá, Cấp phép và Hạn chế Hóa chất; SADT - Nhiệt độ Phân hủy Tự tăng tốc; SDS - Phiếu an toàn hóa chất; TCSI - Kiểm kê Hóa chất Đài Loan; TDG - Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm; TECI - Bảng kê khai tồn kho hóa chất hiện tại của Thái Lan; TSCA - Đạo luật Kiểm soát Độc chất (Hoa Kỳ); UN - Liên Hiệp Quốc; UNRTDG - Khuyến nghị của Liên hiệp quốc về Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm; vPvB - Rất bền và rất Khó phân hủy; WHMIS - Hệ thống Thông tin An toàn Hóa chất Nơi làm việc

Định dạng ngày tháng : năm/tháng/ngày

Các thông tin này dựa trên hiểu biết hiện nay của chúng tôi do đó không chắc chắn đối với một số đặc tính nhất định.